TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ - ST.
Ngày: 31 - 10 - 2019.
V/v tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rực.

2. Ông Thạch Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2019/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Khưu Ngọc D; sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Võ Văn N; sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp x, thị trấn P, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 19/8/2019 nguyên đơn bà Khưu Ngọc D trình bày: Bà D và ông Võ Văn N tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01/92, ngày 11/5/1992. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N thường uống rượu về thì đánh bà D nên cuộc sống không hạnh phúc, bà D và ông N sống ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay, sau khi sống ly thân thì bà D và ông N thường xuyên gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà D và ông N có 02 người con chung là Võ Khưu

Hồng N, sinh năm 1993 và Võ Khưu Vĩnh D, sinh năm 1999 hiện nay đã thành niên; về tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có.

Tại phiên tòa, bà Khưu Ngọc D yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn N; con chung đã thành niên nên không yêu cầu gì; về tài sản chung bà D và ông N tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Không có nên bà D không yêu cầu gì.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn N trình bày: Ông N và bà D tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01/92, ngày 11/5/1992. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến và thường xuyên cải vã qua lại nên cuộc sống không hạnh phúc và sống ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay, sau khi sống ly thân thì ông N và bà D thường xuyên gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian chung sống, ông N và bà D có 02 người con chung là Võ Khưu Hồng N, sinh năm 1993 và Võ Khưu Vĩnh D, sinh năm 1999 hiện nay đã thành niên; về tài sản chung thì ông N và bà D tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Không có nên không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, ông Võ Văn N không thống nhất ly hôn với bà Khưu Ngọc D; về con chung đã thành niên nên ông N không yêu cầu gì; về tài sản chung ông N và bà D tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Không có nên không yêu cầu.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Khưu Ngọc D và ông Võ Văn N đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Khưu Ngọc D; con chung đã thành niên nên không đặt ra xem xét; về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét; về nợ chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Khưu Ngọc D và ông Võ Văn N tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01/92, ngày 11/5/1992 nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông N là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, bà D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà D, Hội đồng

xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bà D và ông N đều xác định nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến từ đó ông N thường uống rượu về thì đánh bà D nên cuộc sống không hạnh phúc và sau khi sống ly thân thì bà D và ông N thường xuyên gặp nhau nhưng không thể hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng bà D và ông N đoàn tụ với nhau nhưng bà D vẫn kiên quyết ly hôn với ông N vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà D và ông N đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà D xin ly hôn với ông N là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 89 và Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông N.

[2] Về con chung: Bà Khưu Ngọc D và ông Võ Văn N xác định trong thời gian chung sống, bà D và ông N có 02 người con chung là Võ Khưu Hồng N, sinh năm 1993 và Võ Khưu Vĩnh D, sinh năm 1999 hiện nay đã thành niên; bà D và ông N không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Bà Khưu Ngọc D và ông Võ Văn N xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà Khưu Ngọc D và ông Võ Văn N xác định trong thời gian chung sống không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Khưu Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khưu Ngọc D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Khưu Ngọc D được ly hôn với ông Võ Văn N.

1.2. Về con chung: Bà Khưu Ngọc D và ông Võ Văn N có 02 người con chung là Võ Khưu Hồng N, sinh năm 1993 và Võ Khưu Vĩnh D, sinh năm 1999 hiện nay đã thành niên; bà Khưu Ngọc D và ông Võ Văn N không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.3 Về tài sản chung: Bà Khưu Ngọc D và ông Võ Văn N xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.4 Về nợ chung: Bà Khưu Ngọc D và ông Võ Văn N xác định trong thời gian chung sống không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Khưu Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009291 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Khưu Ngọc D đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Cẩm Nhung